

Số: /BC-UBND

Long Hiệp, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU
ngày 22/12/2017 của Hội nghị Huyện ủy lần thứ 14, khóa XVIII**

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy Minh Long về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững, giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 19-CTr/ĐU ngày 13/3/2018 của Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy Minh Long về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững, giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND, ngày 26 tháng 3 năm 2018 của UBND xã Long Hiệp về Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025

Căn cứ Công văn số 145-CV/ĐU ngày 13/4/2023 của Đảng ủy xã Long Hiệp báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy,

UBND xã Long Hiệp báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy, cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT**Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết**

I. Công tác tuyên truyền, học tập quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Hội nghị Huyện ủy lần thứ 14, khóa XVIII, gắn với nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất của Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ huyện khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, triển khai Nghị quyết 01:

- Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy, UBND xã đã tổ chức nhiều cuộc họp tại xã quán triệt cho cán bộ, công chức xã, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và Ban cán sự 06 thôn, đồng thời chỉ đạo cho 06 thôn và các đơn vị trực thuộc trên địa bàn xã lồng ghép trong các cuộc họp thôn, sinh hoạt cơ quan quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn xã;

- Phổ biến về các chủ trương, chính sách về tái cơ cấu nông, lâm nghiệp, xây dựng NTM được Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM xã phổ biến đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên toàn xã với nhiều hình thức, giúp cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ hơn về mục đích, nội dung các văn

bản của Trung ương, tỉnh, huyện về tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng NTM để cán bộ và nhân dân chủ động tham gia.

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, băng zôn, khẩu hiệu để tuyên truyền triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành; tuyên truyền xây dựng thôn, gia đình văn hóa, bảo vệ môi trường “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới”, tích cực tham gia sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững...

- Công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết đã nâng cao nhận thức, chuyển biến hành động của cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân; người dân từng bước đã ý thức được vai trò chủ thể của mình trong xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ban hành, cụ thể hóa văn bản thực hiện:

Để triển khai thực hiện Nghị quyết 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 và Chương trình hành động số 19-CTr/ĐU ngày 13/3/2018 của Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy Minh Long về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững, giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 26/3/2018 về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025. Kế hoạch thực hiện Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững của xã Long Hiệp, giai đoạn 2016-2020.

PHẦN THỨ HAI

Đánh giá kết quả thực hiện

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết:

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ về phát triển kinh tế, tái cơ cấu ngành nông nghiệp:

a. Kết quả thực hiện:

- Tổng giá trị sản xuất năm 2022: 197.645,10 triệu đồng, trong đó: Nông, lâm nghiệp, thủy sản: 28.673,79 triệu đồng(14,51%), Công nghiệp – xây dựng: 36.364,60 triệu đồng(18,40%), Thương mại – Dịch vụ: 132.606,71 triệu đồng(67,09%).

Thu nhập bình quân đầu người: 42,46 triệu đồng/người/năm, đạt 101% so với kế hoạch.

***. Về trồng trọt:**

- Cùng với việc áp dụng khoa học kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, tái cơ cấu nông nghiệp tập trung vào việc sản xuất các loại cây có thể mạnh của địa phương và giá cả ổn định, cụ thể:

+ Cây Lúa(năm 2022): Sản lượng 1.660,43 tấn, đạt 107,33% so với kế hoạch.

+ Cây chè địa phương: Cùng với chủ trương đầu tư Dự án vùng chuyên canh cây chè, huyện Minh Long¹, UBND xã đã chỉ đạo và vận động bà con nông dân cải tạo và trồng mới cây chè. Đến cuối năm 2022 tổng diện tích chè trên địa bàn xã 70 ha, đạt 131,32% so với kế hoạch.

+ Việc đưa giống keo cấy mô để cải tạo, thay thế các giống cây lai giâm hom: Từng bước chuyển đổi cây keo giâm hom bằng cây keo lai cấy mô có năng suất và hiệu quả hơn, đến năm 2022 diện tích cây keo lai cấy mô khoảng 30 ha;

+ Chuyển đổi một số diện tích kém hiệu quả và vườn tạp để trồng cây trồng cây ăn quả có hiệu quả kinh tế cao như: Mô hình cây bơ: 17.500 m²; Cây Mít thái: 10.150 m²(trồng xen); Cây Dừa xiêm: 5.425 m²(trồng xen), cây Bưởi da xanh: 5.425 m².

***. Về chăn nuôi:**

Xác định chăn nuôi là ngành sản xuất quan trọng trong Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Sản xuất trong chăn nuôi cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu thực phẩm trong xã và xuất bán ra thị trường.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại trong những năm gần đây có xu hướng tăng lên, đến cuối năm 2022, trên địa bàn xã có 09 trang trại², 02 gia trại³ chăn nuôi.

- Về cải tạo giống và thức ăn chăn nuôi:

+ Về giống: Nhằm để nâng cao năng suất và hiệu quả trong chăn nuôi, việc cải tạo giống đã được chú trọng như: Tỷ lệ bò lai đạt 65%; Trâu đực giống để cải tạo đàn không trùng huyết; heo siêu nạt.

+ Đến năm 2022, đàn trâu có 1.092 con, đạt 122,69%; đàn Bò có 217, đạt 24,11% so với kế hoạch; đàn lợn có 1.570 con.

+ Về thức ăn: Ngoài nguồn thức ăn rom rạ, cỏ tự nhiên thì hiện nay đa số hộ dân chăn nuôi đã tạo nguồn dự trữ thức ăn như: trồng cỏ, cám tổng hợp trong chăn nuôi bò, heo và gia cầm. Một số hộ đã từng bước áp dụng kỹ thuật trong việc pha trộn thức ăn để đảm bảo dinh dưỡng cho việc vỗ béo gia súc, gia cầm.

***. Về lâm nghiệp:**

¹ Nghị quyết 41/NQ-HĐND ngày 22/10/2018 của HĐND huyện Minh Long phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án vùng chuyên canh cây chè, huyện Minh Long.

² Quy mô nhỏ, từ 1,5 ha đến 3 ha/trang trại

³ Quy mô nhỏ, từ 200 đến 800 con heo/gia trại/năm

Quản lý, duy trì và giữ ổn định diện tích rừng tự nhiên 1.271,80 ha, trong đó có 795,27ha rừng sản xuất. Thực hiện khai thác rừng và trồng mới 200 ha rừng, ước sản lượng khai thác năm 2022 đạt khoảng 1.600 tấn. Tỷ lệ che phủ của rừng(năm 2022) lên 51,55%. Tập trung triển khai nhiều biện pháp về quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được thực hiện đảm bảo, không có vụ cháy rừng nào xảy ra.

***. Về thủy lợi:**

- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 81,94 %.

- Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III:

+ Tổng chiều dài kênh mương loại III do xã quản lý cần kiên cố hóa theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới: 5,63 km(gồm 13 tuyến);

+ Tổng chiều dài kênh mương loại III do xã quản lý đã được kiên cố hóa: 3,47 km(gồm 11 tuyến);

+ Tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương loại III: 61,57%.

- Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

2. Xây dựng nông thôn mới:

Đến cuối năm 2022, đã đạt chuẩn 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, gồm: Quy hoạch(TC 1); Giao thông(TC2); Thủy lợi và Phòng chống thiên tai(TC 3); Điện(TC 4); Trường học(TC 5); Cơ sở vật chất văn hóa(TC 6); Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn(TC 7); Thông tin và Truyền thông(TC 8); Nhà ở dân cư(TC 9); Thu nhập(TC 10); Nghèo đa chiều(TC 11); Lao động có việc làm(TC12); Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn(TC 13); Giáo dục và Đào tạo(TC 14); Y tế(TC 15); Văn hóa(CT 16); Môi trường và an toàn thực phẩm(TC 17); Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật(TC 18); Quốc phòng và An ninh(TC 19).

UBND xã đã hoàn thiện hồ sơ và trình cấp trên phê duyệt xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Công tác bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường:

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 91,54%(1.093/1.194 hộ);

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ 95%;

- Tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh: 92,2%(1.170/1.269 hộ);

- Thực hiện thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt ở nông thôn: Có 6/6 thôn trên địa bàn xã thực hiện thu gom và xử lý rác thải(906 hộ, 14 cơ sở, 28 cơ quan đơn vị đăng ký thu gom rác thải).

- Nghĩa trang nhân dân: Hiện có 02 nghĩa trang nhân(Hóc Quéo thôn Hai và Gò Cà Rốc thôn Hà Xuyên) đã được xây dựng theo quy hoạch(đạt 100% so với kế hoạch), trong đó có 01 nghĩa trang đã đi vào hoạt động từ năm 2019.

4. Công tác giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ hộ nghèo:

a. Công tác giải quyết việc làm:

Hàng năm, UBND xã triển khai, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của các cấp về chính sách lao động việc làm, vận động công dân đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Riêng năm 2022, đã có 06 trường hợp đi làm việc tại Nhật Bản, giới thiệu 69 lao động phổ thông đi làm tại các Khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh.

b. Giảm tỷ lệ hộ nghèo:

Đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo 11,27% (143 hộ), và tỷ lệ hộ cận nghèo 5,04% (64 hộ).

II. Đánh giá chung:

1. Ưu điểm:

- Đảng ủy đã chỉ đạo sâu sát về xây dựng nông thôn mới trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động; hầu hết các tổ chức cơ sở đảng đã ban hành chương trình hành động cụ thể phù hợp với từng đơn vị, đồng thời đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nêu cao vai trò gương mẫu xung kích đi đầu vào những công việc như xây dựng các mô hình phát triển sản xuất hiệu quả, làm đường giao thông nông thôn...

- Đã triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách cơ bản kịp thời, đồng bộ, phát huy hiệu quả. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện được thường xuyên, tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ cơ sở; nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhân dân, tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong cả hệ thống chính trị.

- Cơ cấu mùa vụ có sự chuyển biến theo hướng tích cực, từng bước đưa các giống mới có năng suất, chất lượng vào sản xuất diện rộng, chuyển dịch từ sản xuất số lượng sang chú trọng chất lượng, gắn với thị trường đã góp phần tăng năng suất, sản lượng và tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích canh tác.

- Từng bước áp dụng kỹ thuật trong chăn nuôi, nâng cao số lượng, chất lượng đàn gia súc, gia cầm được nâng lên (Tỷ lệ đàn bò lai sind, bò 3B đạt cao, đàn trâu từng bước lai tạo con giống tốt, hạn chế trùng huyết...), nhất là việc áp dụng, thực hiện chăn nuôi theo mùa vụ, giảm thiểu rủi ro và rút ngắn thời gian trong chu kỳ nuôi.

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được chú trọng, giải quyết việc làm cho lao động, góp phần giảm nghèo và đang giữ vai trò lớn trong phòng hộ, bảo vệ môi trường sinh thái. Hàng năm bình quân trồng mới từ 120 – 180 ha, hình thành các vùng trồng rừng nguyên liệu (cây keo) tập trung, phục vụ cho công nghiệp chế biến.

- UBND xã phối hợp với Mặt trận và các Hội đoàn thể tích cực tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt nội dung cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây

dựng nông thôn mới. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào, các cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”, “Toàn dân chung sức xây dựng Nông thôn mới”, “Phong trào giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng”. Các tổ chức quần chúng trong hệ thống chính trị đã phát huy vai trò tiên phong trong phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Các tiêu chí không cần nhiều kinh phí như: tiêu chí Văn hóa(TC 16), tiêu chí Môi trường(TC 17), tiêu chí Giáo dục(TC 14)...đã huy động sự chung tay, góp sức của toàn xã hội, nhất là người dân, đã triển khai và từng bước đạt được những kết quả bước đầu như: Hộ gia đình văn hóa tăng cao(năm 2022 đạt 84,39%), thôn Văn hóa đạt 100%, có 06/06 thôn trên toàn xã đăng ký thu gom rác thải...).

- Các chương trình đào tạo đã trang bị cho nông dân những kiến thức, kỹ năng cơ bản về một số nghề trong sản xuất kinh doanh; từng bước nâng cao năng lực cho lao động nông thôn, góp phần tạo điều kiện chuyển dịch lao động nông thôn sang lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, thương mại.

2. Tồn tại, hạn chế:

+ Ngoài ngân sách nhà nước, thì việc huy động các nguồn lực khác, nhất là vốn đóng góp của người dân và doanh nghiệp còn rất hạn chế;

+ Việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp diễn ra còn chậm, hiệu quả sản xuất ngành nông nghiệp chưa cao;

+ Sản phẩm hàng hóa chưa nhiều, chủ yếu sản xuất quy mô nhỏ; chất lượng và sức cạnh tranh yếu, lợi nhuận trong lĩnh vực nông nghiệp thấp, rủi ro cao, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra;

+ Diện tích đất manh mún, độ dốc lớn; số thửa trên hộ còn cao; việc tích tụ, tập trung ruộng đất chưa thực hiện được, vẫn là kinh tế hộ nhỏ lẻ, sản xuất truyền thống;

+ Ứng dụng, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất vẫn còn chậm; việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đã thực hiện, nhưng chưa hiệu quả. Nông dân chưa mặn mà đầu tư thâm canh vào sản xuất nông nghiệp; hiện tượng bỏ hoang hóa đất nông nghiệp vẫn còn xảy ra; đất vườn hiệu quả sử dụng còn thấp, phần lớn là vườn tạp.

+ Cảnh quan môi trường chưa thật sự xanh - sạch - đẹp. Tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn, do một số hộ dân chưa nâng cao ý thức, vẫn còn bỏ rác thải ra sông suối.

+ Mức sống của người dân vẫn còn thấp, thiếu việc làm, thiếu kiến thức về kinh tế thị trường, sự chênh lệch giàu nghèo vẫn còn cao.

3. Nguyên nhân

+ Long Hiệp là một xã miền núi, có điểm xuất phát thấp, nguồn thu từ ngân sách hàng năm thấp, nguồn lực trong dân hạn chế; địa hình phức tạp, có độ dốc lớn, đất đai kém màu mỡ; Thời tiết khí hậu, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp; giá cả vật tư đầu vào cho sản xuất liên tục tăng cao, trong khi giá nông sản thấp, thị trường tiêu thụ không ổn định.

+ Nhận thức và năng lực của nông dân là chủ thể và làm chủ chưa đầy đủ, chưa mạnh dạn đổi mới. Nông dân vẫn còn có tâm lý trông chờ, ỷ lại.

+ Năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ còn nhiều hạn chế nên việc triển khai một số chương trình, cơ chế, chính sách vẫn còn chậm, chất lượng chưa cao.

+ Vẫn còn tập quán sản xuất nhỏ lẻ, tự cung, tự cấp, người nông dân chưa thay đổi được nhiều.

+ Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp còn thấp.

+ Công tác phổ biến quán triệt các văn bản chưa sâu, đôi lúc chưa kịp thời; nhận thức của một số cán bộ, người dân chưa cao, chưa đầy đủ, chưa thể hiện quyết tâm chính trị cao đối với việc thực hiện về nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

PHẦN THỨ BA

Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trong thời gian đến

I. Quan điểm:

Kinh tế của xã có tốc độ phát triển nhanh và bền vững, mạng lưới kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được nâng cấp, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, tinh đoàn kết dân tộc được tăng cường, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp thịnh vượng, nông thôn văn minh, môi trường được giữ vững.

II. Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, tạo điều kiện để người dân tham gia đóng góp và hưởng lợi nhiều hơn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của xã. Ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và nâng cao đời sống nông dân. Thực hiện có hiệu quả, bền vững công cuộc giảm nghèo;

- Phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, đầu tư theo chiều sâu cho phát triển nông nghiệp theo hướng thâm canh cao;

- Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, giáo dục, văn hóa, y tế;

- An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội địa phương luôn được giữ vững.

III. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

- Giá trị sản xuất giai đoạn 2021-2025 tăng bình quân 7,5-8%/ năm

- Tổng sản lượng lương thực (cây lúa) đến năm 2025 là 1.470 tấn. Bình quân lương thực đầu người 340 kg/người/năm.

- Chăn nuôi đến năm 2025: đàn trâu 900 con; đàn bò 260 con (*tỉ lệ bò lai sind chiếm 70%*); đàn heo 3.000 con đàn gia cầm 12.000 con.

- Diện tích cây mì đến năm 2025 là 180 ha, năng suất bình quân 141,6 tạ/ha, sản lượng đạt 2.548,8 tấn.

- Diện tích cây chè 100 ha.

- Diện tích rừng nguyên liệu giấy: 140 ha, độ che phủ rừng 60-65%.

- Tỷ lệ người dân dùng nước hợp vệ sinh đạt 95%.

- Phần đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

- Phần đầu xã sớm trở thành thị trấn.

- Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 5%.

IV. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tiếp tục công tác tuyên truyền Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy Minh Long và Chương trình hành động số 19-CTr/ĐU ngày 13/3/2018 của Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Huyện ủy Minh Long về phát triển nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường bền vững, giai đoạn 2017-2020 và định hướng đến năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thực hiện xây dựng nông thôn mới cho cán bộ và nhân dân, nhằm nâng cao ý thức, nhận thức về tầm quan trọng các Nghị quyết và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; tuyên truyền, vận động sâu rộng về vai trò, nhiệm vụ của nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Triển khai thực hiện tốt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phổ biến những cách làm hay, mô hình tốt trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới;

- Huy động xã hội hóa các nguồn lực; đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp nhất là chế biến nông, lâm sản và liên kết với nông dân trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Tập trung đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với phát triển ngành nghề;

- Từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hoá và nguyên liệu tập trung như: vùng keo, cây cau, cây mây, cây dược liệu, nhất là cây chè để phục vụ cho chế biến, phát triển thương hiệu Chè Minh Long (đã được công nhận là sản phẩm OCOP). Triển khai nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả như Trâu, bò, heo sinh sản, bò vỗ béo..., định hướng xây dựng vùng chăn nuôi tập trung;

- Tăng cường công tác thú y, phối hợp với cơ quan chức năng huyện trong công tác kiểm soát vận chuyển, giết mổ và phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân như: giao thông, thủy lợi, trường học..;

- Vận động nhân dân thực hiện các công trình vệ sinh và chuồng trại đảm bảo môi trường, đường làng ngõ xóm xanh, sạch; đẹp;

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân, giải quyết kịp thời các đơn thư của công dân, đảm bảo chất lượng nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương hàng năm;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức của người dân về mục tiêu, ý nghĩa của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới để người dân hiểu và chủ động, tích cực tham gia thực hiện chương trình.

- Phát huy dân chủ cơ sở, thực sự trao quyền tự chủ cho cộng đồng dân cư, khuyến khích người nông dân nỗ lực vươn lên, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nông dân để chủ động giải quyết kịp thời.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 22/12/2017 của Hội nghị Huyện ủy lần thứ 14, khóa XVIII của xã Long Hiệp./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Xuân

